TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 38

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong các số 1, 6, 10, 7, số lớn nhất là:

A. 1 **B.** 7 **C.** 10 **D.** 6

Câu 2. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bé nhất?

A. 9 + 1 **B.** 2 − 2 **C.** 4 + 5 **D.** 1 − 0

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hình nào dưới đây là hình vuông?

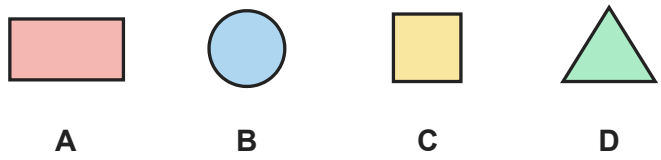

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 5 − 5 là:

A. 0 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 1

Câu 5. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu số lớn hơn 2 và bé hơn 7?

A. 4 **B.** 1 **C.** 7 **D.** 6

Câu 6. *(0,5 điểm)* Trên bàn có 5 quyển sách. Huy đặt thêm 1 quyển sách lên bàn. Trên bàn có tất cả bao nhiêu quyển sách?

A. 4 quyển sách **B.** 6 quyển sách **C.** 7 quyển sách **D.** 9 quyển sách

Câu 7. *(0,5 điểm)* Quả bóng ở dưới cái giường. Vậy cái giường ở đâu so với quả bóng?

A. ở bên phải **B.** ở trên **C.** ở dưới **D.** ở bên trái

Câu 8. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu quả táo trong hình?

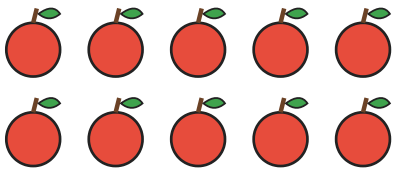

A. 10 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 9

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính:

a) 7 − 3 − 2 = ……

b) 5 + 3 − 6 = ……

c) 1 + 3 + 4 = ……

d) 5 + 1 − 5 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 gồm 2 và ……

b) 8 gồm …… và 3

c) 8 gồm 3 và ……

Câu 11. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

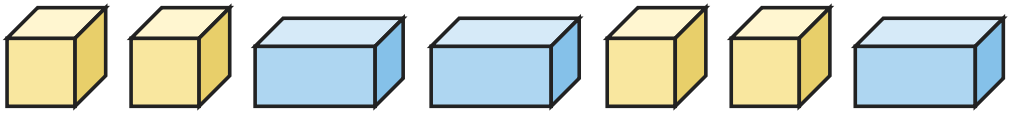

a) Có …… khối lập phương.

b) Có …… khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả …… khối.

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

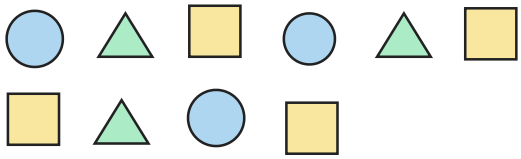

a) Có …… hình tam giác.

b) Có …… hình tròn.

c) Có …… hình vuông.

Câu 13. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 …… 4

b) 3 − 2 …… 1

c) 10 …… 9 + 1

d) 7 …… 8 − 3

Câu 14. *(1 điểm)* Dưới ao có 7 con vịt. Có 3 con vịt lên bờ. Dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

a) Phép tính: …… − …… = ……

b) Trả lời: Còn lại …… con vịt.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 38

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	A	A	B	B	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) $7 - 3 - 2 = 2$

b) $5 + 3 - 6 = 2$

c) $1 + 3 + 4 = 8$

d) $5 + 1 - 5 = 1$

Câu 10.

a) 8 gồm 2 và 6

b) 8 gồm 5 và 3

c) 8 gồm 3 và 5

Câu 11.

a) Có 4 khối lập phương.

b) Có 3 khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả $4 + 3 = 7$ khối.

Câu 12.

a) Có 3 hình tam giác.

b) Có 3 hình tròn.

c) Có 4 hình vuông.

Câu 13.

a) $5 > 4$

b) $3 - 2 = 1$

c) $10 = 9 + 1$

d) $7 > 8 - 3$

Câu 14.

a) $7 - 3 = 4$

b) Còn lại 4 con vịt.